

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 5 - 2024

“V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Ngọc Thức.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Kim Thanh

Ông Hoàng Lê Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT: xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi ở hiện nay: Lâu A, số A đường T, khu Q, thành phố Đ, Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Phú T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Phú Tuyên sinh ngày 13/04/1974 căn cước công dân số 008074008057; nơi cấp do Cục trưởng Cục C và Trật tự Xã Hội cấp ngày 03/07/2021. Nơi thường trú: Thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đã kết hôn với nhau từ năm 1996 và được UBND xã P, huyện Y tỉnh Tuyên Quang chứng nhận ngày 05/8/1996 trên cơ sở

tự nguyện, có tình yêu thương nhau. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến khoảng 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Chị đi lao động tại Đài Loan từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn gia đình không thể hòa hợp, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Phú T.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai anh Nguyễn Phú T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân. Anh Nguyễn Phú T và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được UBND xã P, huyện Y chứng nhận kết hôn ngày 05/8/1996. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống hòa thuận, bình thường đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, tính cách vợ chồng không còn hợp nhau. Cùng năm 2015 chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì mâu thuẫn lại trở nên trầm trọng hơn. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xin ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 16/3/1998 (đã trên 18 tuổi) và cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 16/8/2000 (Đã trên 18 tuổi). Hiện hai cháu đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên chúng tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 điều 37; khoản 1, điều 38, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, 273; khoản 1, Điều 470; khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Phú T.

Về con chung, về tài sản chung và vay nợ chung, các đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí, chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Phú T. Chị Nguyễn Thị H có quốc tịch Việt Nam nhưng hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào tháng 05/8/1996 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì chị Nguyễn Thị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cùng năm 2015 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã. Chị H đi xuất khẩu lao động nên vợ chồng có khoảng cách về địa lý nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Hai vợ chồng đã được gia đình, bạn bè hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Phú T, anh T nhất trí ly hôn với chị H.

Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Phú T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 16/3/1998 (đã trên 18 tuổi) và cháu Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 16/8/2000 (Đã trên 18 tuổi). Hai cháu đều đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Phú T xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Phú T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 điều 37; khoản 1, điều 38, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, 273; khoản 1, Điều 470; khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Phú T.

2. Về con chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có và không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000017 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Phú T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (một) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai và anh Nguyễn Phú T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Ngọc Thúc**

